TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH MIỆN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 49/2018/HS-ST
Ngày: 09-11-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Xuân Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lý, ông Đào Đình Phúc.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Chinh - Kiểm sát viên VKSND huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

Ngày 09 tháng 11 năm 2018 tại Hội trường Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 44/2018/TLST-HS ngày 10 tháng 10 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2018/HSST-QĐ ngày 26 tháng 10 năm 2018 đối với các bị cáo:

1/ **Vương Văn T -** Sinh năm: 1985;
HKTT: Thôn A, xã TC, huyện T, tỉnh H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa; 5/12; Bố đẻ: Vương Văn Đ, đã chết; Mẹ đẻ: Đào Thị Đ, sinh năm 1954; Vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1987; Con: Có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/8/2018 đến ngày 09/8/2018, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, *có mặt.*

2/ **Đoàn Văn P -** Sinh năm: 1978;
HKTT: Thôn A, xã TC, huyện T, tỉnh H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 5/12; Bố đẻ: Đoàn Văn N, đã chết; Mẹ đẻ: Đào Thị T, sinh năm 1932; Vợ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1979; Con: Có 02 con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/8/2018 đến ngày 09/8/2018, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, *có mặt.*

3/ **Đoàn Văn M -** Sinh năm: 1963;
HKTT: Thôn A, xã TC, huyện T, tỉnh H. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Làm ruộng, Trình độ văn hóa: 7/10; Bố đẻ: Đoàn Văn N, đã chết; Mẹ đẻ: Đào Thị T, sinh năm 1932; Vợ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1963; Con: Có 05 con, lớn sinh năm 1985, nhỏ sinh năm 1998; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/8/2018 đến ngày 09/8/2018, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, *có mặt.*

4/ **Tạ Văn S -** Sinh năm: 1985;
HKTT: Thôn A, xã TC, huyện T, tỉnh H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Bố đẻ: Tạ Văn S, sinh năm 1954; Mẹ đẻ: Phạm Thị B, sinh năm 1954; Vợ: Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1989; Con: Có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/8/2018 đến ngày 09/8/2018, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, *có mặt.*

5/ **Vương Văn C -** Sinh năm: 1987;
HKTT: Thôn A, xã TC, huyện T, tỉnh H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Bố đẻ: Vương Quốc T, đã chết; Mẹ đẻ: Phan Thị T, sinh năm 1952; Vợ: Lê Thị Thu H, sinh năm 1990; Con: Có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/8/2018 đến ngày 09/8/2018, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, *có mặt.*

6/ **Vương Văn M1 -** Sinh năm: 1988;
HKTT: Thôn A, xã TC, huyện T, tỉnh H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Lao động tự do, Trình độ văn hóa: 12/12; Bố đẻ: Vương Văn G, sinh năm 1962; Mẹ đẻ: Vũ Thị H, sinh năm 1962; Vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1990; Con: Có 01 con sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/8/2018 đến ngày 09/8/2018, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, *có mặt.*

7/ **Vương Dũng T1 -** Sinh năm: 1947;
HKTT: Thôn A, xã TC, huyện T, tỉnh H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 7/10; Bố đẻ: Vương Văn T, đã chết; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị M, đã chết; Vợ: Tạ Thị H, sinh năm 1955; Con: Có 05 con, lớn sinh năm 1975, nhỏ sinh năm 1985; Tiền án, tiền sự: Không.
Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, *có mặt.*

Người bào chữa cho bị cáo Vương Văn T, Vương Dũng T1: Ông Phạm Văn Điều - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hải Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 06/8/2018, trong lúc ngồi chơi uống nước tại nhà anh Vương Văn Th ở cùng thôn, Vương Văn T nói với Tạ Văn S, Vương Văn M1, Đoàn Văn M và Vương Văn C *"anh em ngồi chơi tí rồi về"*, ý T rủ S, M1, M, C đánh bạc được thua bằng tiền. S, M1, M, C đồng ý. Khoảng 11 giờ cùng ngày, T, S, M1, M đi trước sang nhà Vương Dũng T1 ở gần nhà anh Th; thấy T1 đang ở nhà có người hỏi *"cho chúng cháu chơi tí"*, hiểu ý mọi người sang nhờ nhà mình để đánh bạc, T1 đồng ý. Cả bốn người ngồi xuống chiếu trải sẵn dưới nền nhà, M1 cầm bộ bài tú lơ khơ trên bàn uống nước nhà T1 đặt xuống chiếu, thống nhất đánh bạc dưới hình thức đánh *"Liêng",* tỷ lệ góp gà là 10.000đ, tố cao nhất không quá 50.000đ. Sau đó C đi từ nhà anh Th và Đoàn Văn P đi từ nhà mình sang nhà T1 và cùng tham gia đánh bạc. Quá trình đánh bạc, S lấy 20.000đ dưới chiếu bạc đưa cho T1, T1 cầm tiền đi mua rượu hết 9.000đ. T, S, M1, M, C và P tiếp tục đánh

bạc, đến 15 giờ 45 phút cùng ngày thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Miện bắt quả tang. Thu giữ trên chiếu bạc số tiền 3.200.000đ, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân và 01 chiếu gỗ trải ngồi đánh bạc. Thu trên người Tạ Văn S số tiền 1.030.000đ; Đoàn Văn P số tiền 1.500.000đ. Tổng số tiền các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc là 5.750.000đ (bao gồm cả số tiền bị cáo S lấy trên chiếu bạc đưa cho bị cáo T1, trong đó bị cáo T1 đã nộp lại 11.000đ).

Quá trình điều tra xác định số tiền các bị can sử dụng vào việc đánh bạc như sau: Đoàn Văn P có 1.800.000đ, Đoàn Văn M và Tạ Văn S có 900.000đ, Vương Văn C có 760.000đ, Vương Văn M1 có 750.000đ và Vương Văn T có 640.000đ đều sử dụng hết vào việc đánh bạc.

Tại Cáo trạng số 44/VKS-HS ngày 10-10-2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện truy tố các bị cáo Vương Văn T, Tạ Văn S, Vương Văn M1, Đoàn Văn M, Vương Văn C, Đoàn Văn P, Vương Dũng T1 về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện phát biểu quan điểm luận tội giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Vương Văn T, Tạ Văn S, Vương Văn M1, Đoàn Văn M, Vương Văn C, Đoàn Văn P, Vương Dũng T1 phạm tội "Đánh bạc".

Áp dụng khoản 1 điều 321, điều 17, 58, điểm s, i khoản 1 điều 51 BLHS với bảy bị cáo, (điểm o, x khoản 1 điều 51 BLHS với bị cáo T1, khoản 2 điều 51 BLHS với bị cáo P, M, S), điều 65 BLHS với các bị cáo T, P, điều 36 BLHS với các bị cáo M, S, C, điều 35 BLHS với các bị cáo M1, T1.

Xử phạt Vương Văn T, Đoàn Văn P mỗi bị cáo từ 06 đến 08 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 16 tháng tính từ ngày tuyên án.

Xử phạt Đoàn Văn M, Tạ Văn S, Vương Văn C mỗi bị cáo từ 08 đến 10 tháng cải tạo không giam giữ được trừ 03 ngày tạm giữ = 09 ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày UBND xã TC nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ từ 10 - 15% thu nhập/tháng trong thời gian chấp hành án để sung ngân sách nhà nước.

Phạt tiền bị cáo Vương Văn M1 25.000.000đ, Vương Dũng T1 20.000.000đ sung ngân sách nhà nước.

Giao các bị cáo T, P về cho UBND xã TC, huyện T, tỉnh H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo M, S, C về cho UBND xã TC, huyện T, tỉnh H giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Trường hợp người chấp hành án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung: áp dụng khoản 3 điều 321, điều 35 BLHS, phạt tiền bị cáo P, M, S, C mỗi bị cáo 10.000.000đ sung ngân sách nhà nước.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 điều 47 BLHS, khoản 2 điều 106 BLTTHS, tịch thu cho tiêu huỷ bộ tú lơ khơ có 52 quân, 01 chiếu gỗ cũ, tịch thu sung ngân sách nhà nước 5.741.000đ. Buộc bị cáo T1 nộp lại số tiền thu lợi bất chính 9.000đ (bị cáo chưa nộp).

Về án phí: Áp dụng điều 136 BLTTHS năm 2015, Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25-11-2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016, bị cáo T thuộc hộ cận nghèo, bị cáo T1 thuộc người cao tuổi được miễn

án phí hình sự sơ thẩm, các bị cáo khác mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Vương Văn T, Vương Dũng T1, ông Phạm Văn Điều đề nghị HĐXX xem xét bị cáo T là hộ cận nghèo, không có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nơi cư trú rõ ràng, tham gia đánh bạc có 640.000đ, đề nghị áp dụng khoản 1 điều 321, điều 17, 58, điểm s, i khoản 1 điều 51 BLHS, điều 65 BLHS xử cho bị cáo được cải tạo tại địa phương, miễn án phí hình sự cho bị cáo. Đối với bị cáo T1 vì nể nang mà cho các bị cáo đánh bạc tại nhà của mình, nhân thân không có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khi phạm tội là người trên 70 tuổi, bản thân là thương binh, đề nghị áp dụng khoản 1 điều 321, điều 17, 58, điểm s, i, o, x khoản 1 điều 51, khoản 3 điều 54, điều 35 BLHS xử phạt tiền từ 5.000.000đ đến 10.000.000đ và miễn án phí hình sự đối với bị cáo.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện Thanh Miện, Viện kiểm sát nhân dân huyện, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở xác định: Khoảng 11 giờ ngày 06/8/2018, bị cáo T1 đã dùng nhà ở của mình tại thôn A, xã TC, huyện T, tỉnh H cho Đoàn Văn M, Đoàn Văn P, Vương Văn T, Vương Văn M1, Vương Văn C và Tạ Văn S đánh bạc trái phép được thua bằng tiền đến 15 giờ 45 phút cùng ngày thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Miện bắt quả tang, thu giữ vật chứng và số tiền 5.750.000đ sử dụng vào việc đánh bạc.

[3]. Hành vi các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm khách thể là trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an. Bị cáo T1 tuy không tham gia đánh bạc, không có mục đích thu lợi bất chính nhưng không can ngăn, vì nể nang, đồng ý để các đối tượng đánh bạc trái phép tại nơi mình quản lý, theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 01/2010 ngày 22-10-2010 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội đánh bạc với vai trò đồng phạm. Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức việc đánh bạc là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 điều 321 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4]. Tuy vụ án có nhiều bị cáo tham gia đánh bạc nhưng các bị cáo không hứa hẹn trước mà do có quan hệ họ hàng, quen biết cùng thôn đến nhà anh Th ngồi chơi uống nước sau đó mới phát sinh hành vi đánh bạc, không có sự tổ chức, cấu kết chặt chẽ nên chỉ là đồng phạm giản đơn, vì vậy cần đánh giá rõ vị trí, vai trò, tính chất mức độ, hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của mỗi bị cáo để có đường lối xử lý cho phù hợp và đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

Bị cáo T trong lúc ngồi uống nước cùng S, M1, M, C mới nảy sinh việc đánh bạc và là người khởi xướng, bản thân sử dụng số tiền 640.000đ vào việc đánh bạc giữ vai trò chính. Các bị cáo M, S, M1, C đánh bạc từ đầu, bị cáo M, S đều sử dụng số tiền đánh bạc là 900.000đ, M1 sử dụng 750.000đ, C sử dụng 760.000đ có vai trò tiếp theo, P tuy vào sau nhưng sử dụng số tiền nhiều nhất 1.800.000đ nên vai trò như bị cáo T. Bị cáo T1 không tham gia đánh bạc, vì nể nang nhất trí cho các bị cáo đánh bạc tại nhà nhưng có cầm tiền bị cáo S đưa đi mua rượu về uống có vai trò thứ yếu.

Các bị cáo đều không có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, lần đầu phạm tội, quá trình khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải hành vi đã phạm. Bị cáo T tuy khởi xướng nhưng số tiền đánh bạc ít, tổng số tiền các bị cáo đánh bạc chỉ trên mức khởi điểm nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, i khoản 1 điều 51 BLHS.

Bị cáo T1 là Thương binh loại A và khi phạm tội đã trên 70 tuổi được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm o, x khoản 1 điều 51 BLHS. Bị cáo P, M có bố đẻ là ông Đoàn Văn N được tặng Huân chương kháng chiến Hạng Ba và Huy chương kháng chiến Hạng Nhất, bị cáo S có bố đẻ là ông Tạ Văn S được tặng Huân chương Chiến sỹ vẻ vang được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 điều 51 BLHS.

[5]. Xét các bị cáo nhất thời phạm tội, có nơi cư trú rõ ràng, số tiền đánh bạc chỉ trên mức khởi điểm, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội ít nghiêm trọng nên không buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn mà áp dụng các hình phạt khác cũng đảm bảo việc giáo dục các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội, Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo T, bị cáo P quy định tại điều 65 BLHS, phạt cải tạo không giam giữ và khấu trừ một phần thu nhập đối với bị cáo M, S, C theo quy định tại điều 36 BLHS, phạt tiền đối với bị cáo M1, T1 theo quy định tại điều 35 BLHS.

Giao bị cáo T, P về cho UBND xã TC, huyện T, tỉnh H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án Hình sự 02 lần trở lên thì Toà án có thể buộc phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Giao bị cáo M, S, C về cho UBND xã TC, huyện T, tỉnh H giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Trường hợp người chấp hành án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

[6]. *Về hình phạt bổ sung*: theo quy định tại khoản 3 điều 321, điều 35 BLHS cần phạt tiền đối với bị cáo P, M, S, C mỗi bị cáo 10.000.000đ sung ngân sách nhà nước. Bị cáo T thuộc hộ cận nghèo nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[7]. *Về vật chứng*: Thu giữ 01 chiếu gỗ cũ, 01 bộ tú lơ khơ 52 quân dùng vào việc phạm tội tịch thu cho tiêu huỷ. Thu giữ số tiền 5.741.000đ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội tịch thu sung ngân sách nhà nước, buộc bị cáo T1 nộp lại số tiền 9.000đ sung ngân sách nhà nước (bị cáo chưa nộp) theo quy định tại điểm a, b khoản 1 điều 47 BLHS, khoản 2 điều 106 BLTTHS.

[8]. *Về án phí*: Bị cáo T thuộc hộ cận nghèo, bị cáo T1 trên 70 tuổi theo quy định được miễn án phí hình sự. Các bị cáo khác phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố: Các bị cáo Vương Văn T, Đoàn Văn P, Đoàn Văn M, Tạ Văn S, Vương Văn C, Vương Văn M1, Vương Dũng T1 phạm tội "Đánh bạc".

Áp dụng khoản 1 điều 321, điều 17, 58, điểm s, i khoản 1 điều 51 BLHS với bảy bị cáo; (điểm o, x khoản 1 điều 51 BLHS với bị cáo T1, khoản 2 điều 51 BLHS với bị cáo P, M, S); Điều 65 BLHS với các bị cáo T, P; Điều 36 BLHS với các bị cáo M, S, C; Điều 35 BLHS với các bị cáo M1, T1.

+ *Xử phạt* Vương Văn T, Đoàn Văn P mỗi bị cáo **06** (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án 09/11/2018.

+ *Xử phạt* Đoàn Văn M, Tạ Văn S, Vương Văn C mỗi bị cáo 08 tháng cải tạo không giam giữ được trừ 03 ngày tạm giữ = 09 ngày cải tạo không giam giữ, còn phải chấp hành **07** tháng **21** ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày UBND xã TC nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ mỗi bị cáo 10% thu nhập/tháng trong thời gian chấp hành án để sung ngân sách nhà nước.

+ *Phạt tiền* bị cáo Vương Văn M1 25.000.000đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*), bị cáo Vương Dũng T1 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*) sung ngân sách nhà nước. Các bị cáo phải nộp tiền phạt một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Giao các bị cáo T, P về cho UBND xã TC, huyện T, tỉnh H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương giám sát, giáo dục bị cáo. *Trong thời gian thử thách nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án Hình sự 02 lần trở lên thì Toà án có thể buộc phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.*

Giao bị cáo M, S, C về cho UBND xã TC, huyện T, tỉnh H giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Trường hợp người chấp hành án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

2/ Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 điều 321, điều 35 BLHS, phạt tiền các bị cáo P, M, S, C mỗi bị cáo 10.000.000đ (*mười triệu đồng*) sung ngân sách nhà nước.

3/ Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 điều 47 BLHS, khoản 2 điều 106 BLTTHS, tịch thu cho tiêu huỷ bộ tú lơ khơ có 52 quân, 01 chiếu gỗ cũ, tịch thu sung ngân sách nhà nước 5.741.000đ (*Năm triệu bảy trăm bốn mươi mốt ngàn đồng*). Buộc bị cáo T1 nộp lại số tiền thu lợi bất chính 9.000đ (*chín ngàn đồng*) bị cáo chưa nộp.

(*Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/10/2018 giữa Công an huyện Thanh Miện và Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện).*

***4/ Về án phí*:** Áp dụng điều 136 BLTTHS năm 2015, Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25-11-2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, các bị cáo Đoàn Văn P, Đoàn Văn M, Tạ Văn S, Vương Văn M1, Vương Văn C mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Vương Văn T, Vương Dũng T1.

5/ Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 BLTTHS năm 2015; Các bị cáo Vương Văn T, Đoàn Văn P, Đoàn Văn M, Tạ Văn S, Vương Văn M1, Vương Văn C, Vương Dũng T1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Bùi Xuân Thành

Nơi nhận :
- *VKSND huyện Thanh Miện;*
- *Công an huyện Thanh Miện;*
- *Chi cục THADS huyện Thanh Miện;*
- *Viện kiểm sát ND tỉnh Hải Dương,*
- *UBND xã TC.*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *Sở Tư Pháp tỉnh Hải Dương.*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*